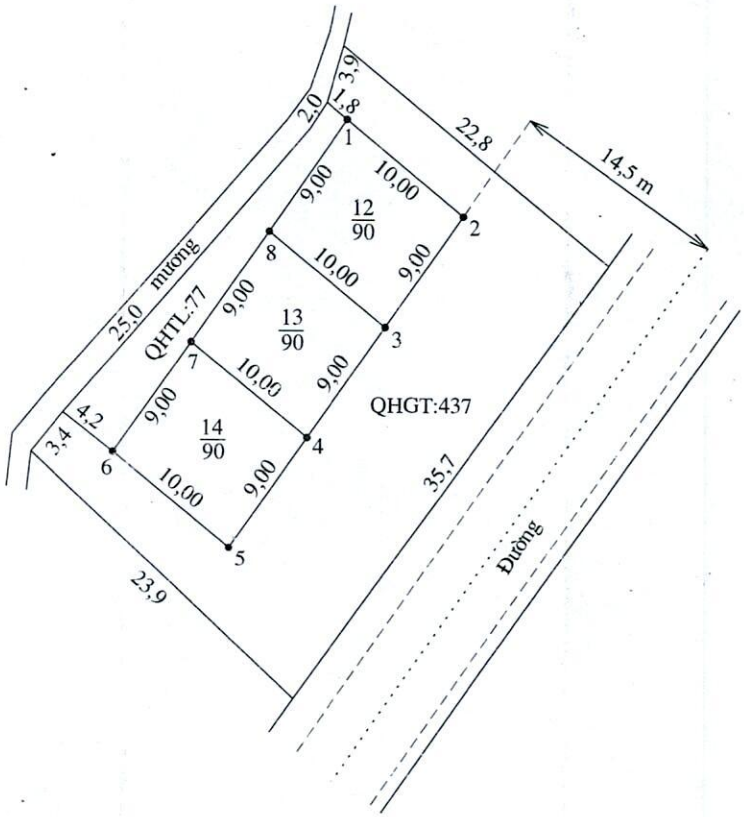
606 781 606 800 606 850 606 865

2240 469

# MẶT BẰNG QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở TẠI THÔN LIÊN TRÌ - XÃ GIAO BÌNH THUỘC TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 26; THỬA ĐẤT SỐ: 144

TỶ LỆ 1:500




BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KHU ĐO

| Tổng DT(m2) | Trong đó: | | |
|---|---|---|---|
| | QH Đất ở | QH Đất GT | QH Đất TL |
| 784 | 270 | 437 | 77 |

| UBND XÃ GIAO BÌNH | PHÒNG KINH TẾ | ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC |
|---|---|---|
| *Giao Bình, Ngày 29 tháng 10 năm 2026* | *Giao Bình, Ngày 29 tháng 10 năm 2026* | *Giao Bình, Ngày 29 tháng 10 năm 2026* |
| KT. CHỦ TỊCH<br>PHÓ CHỦ TỊCH<br>NGUYỄN ĐỨC CHỈNH | PHÓ TRƯỞNG PHÒNG<br>TRẦN XUÂN GIANG | PHÓ GIÁM ĐỐC<br>Tiêu Văn Mạnh |

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ VN2000

| STT | X (m) | Y (m) |
|---|---|---|
| 1 | 2238227.691 | 593143.181 |
| 2 | 2238221.346 | 593150.910 |
| 3 | 2238213.983 | 593145.733 |
| 4 | 2238206.621 | 593140.557 |
| 5 | 2238199.258 | 593135.381 |
| 6 | 2238205.604 | 593127.652 |
| 7 | 2238212.966 | 593132.828 |
| 8 | 2238220.329 | 593138.004 |

2240 450 400 350 344

606 781 606 800 606 850 606 865

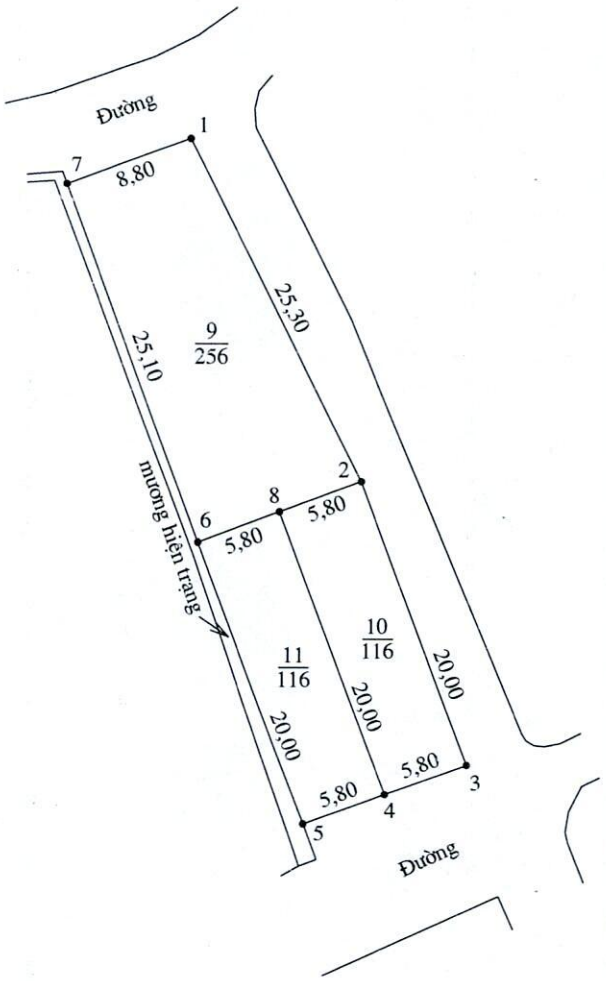
606 781 606 800 606 850 606 865

2240 469 2240 469

# MẶT BẰNG QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở TẠI THÔN GIAO TÂN - XÃ GIAO BÌNH THUỘC TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 43; THỬA ĐẤT SỐ: 54

TỶ LỆ 1:500

2240 450 2240 450




400 400

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KHU ĐO

| Tổng DT(m2) | Trong đó: | | |
|---|---|---|---|
| | QH Đất ở | QH Đất GT | QH Đất TL |
| 488 | 488 | 0 | 0 |

| UBND XÃ GIAO BÌNH | PHÒNG KINH TẾ | ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC |
|---|---|---|
| *Giao Bình, Ngày 22 tháng 10 năm 2026* | *Giao Bình, Ngày 29 tháng 10 năm 2026* | *Giao Bình, Ngày 29 tháng 10 năm 2026* |
| KT. CHỦ TỊCH<br>PHÓ CHỦ TỊCH<br>NGUYỄN ĐỨC CHỈNH | PHÓ TRƯỞNG PHÒNG<br>TRẦN XUÂN GIANG | PHÓ GIÁM ĐỐC<br>Tiêu Văn Mạnh |

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ VN2000

| STT | X (m) | Y (m) |
|---|---|---|
| 1 | 2240384.469 | 592870.815 |
| 2 | 2240361.872 | 592882.126 |
| 3 | 2240343.127 | 592889.098 |
| 4 | 2240341.121 | 592883.655 |
| 5 | 2240339.116 | 592878.213 |
| 6 | 2240357.862 | 592871.242 |
| 7 | 2240381.432 | 592862.572 |
| 8 | 2240359.867 | 592876.684 |

2240 350 2240 350

2240 344 2240 344

606 781 606 800 606 850 606 865

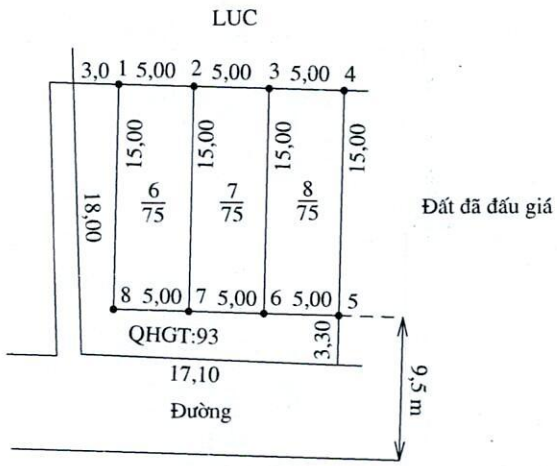
606 781 606 800 606 850 606 865

2240 469 2240 469

# MẶT BẰNG QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở TẠI THÔN DUY TẮC - XÃ GIAO BÌNH THUỘC TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 38; THỬA ĐẤT SỐ: 18

TỶ LỆ 1:500

2240 450 2240 450




400 400

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KHU ĐO

| Tổng DT(m2) | Trong đó: | | |
|---|---|---|---|
| | QH Đất ở | QH Đất GT | QH Đất TL |
| 318 | 225 | 93 | 0 |

| UBND XÃ GIAO BÌNH | PHÒNG KINH TẾ | ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC |
|---|---|---|
| *Giao Bình, Ngày 29 tháng 10 năm 2026* | *Giao Bình, Ngày 29 tháng 10 năm 2026* | *Giao Bình, Ngày 29 tháng 10 năm 2026* |
| KT. CHỦ TỊCH<br>PHÓ CHỦ TỊCH<br>NGUYỄN ĐỨC CHỈNH | PHÓ TRƯỞNG PHÒNG<br>TRẦN XUÂN GIANG | PHÓ GIÁM ĐỐC<br>Tiêu Văn Mạnh |

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ VN2000

| STT | X (m) | Y (m) |
|---|---|---|
| 1 | 2240829.957 | 591969.775 |
| 2 | 2240829.844 | 591974.774 |
| 3 | 2240829.731 | 591979.773 |
| 4 | 2240829.618 | 591984.771 |
| 5 | 2240814.657 | 591984.436 |
| 6 | 2240814.772 | 591979.437 |
| 7 | 2240814.886 | 591974.439 |
| 8 | 2240815.000 | 591969.440 |

2240 350 2240 350

2240 344 2240 344

606 781 606 800 606 850 606 865

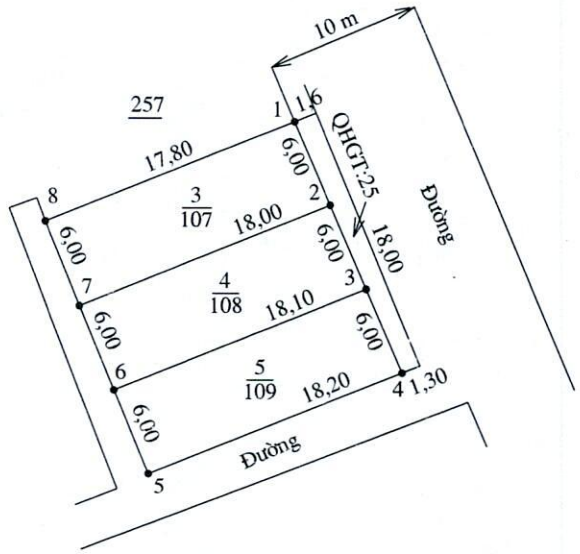
606 781 606 800 606 850 606 865

2240 469 2240 469

# MẶT BẰNG QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở TẠI THÔN GIAO TÂN - XÃ GIAO BÌNH THUỘC TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 35; THỬA ĐẤT SỐ: 257

TỶ LỆ 1:500

2240 450 2240 450




400 400

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KHU ĐO

| Tổng DT(m2) | Trong đó: | | |
|---|---|---|---|
| | QH Đất ở | QH Đất GT | QH Đất TL |
| 349 | 324 | 25 | 0 |

| UBND XÃ GIAO BÌNH | PHÒNG KINH TẾ | ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC |
|---|---|---|
| *Giao Bình, Ngày 29 tháng 10 năm 2026* | *Giao Bình, Ngày 29 tháng 10 năm 2026* | *Giao Bình, Ngày 29 tháng 10 năm 2026* |
| KT. CHỦ TỊCH<br>PHÓ CHỦ TỊCH<br>NGUYỄN ĐỨC CHỈNH | PHÓ TRƯỞNG PHÒNG<br>TRẦN XUÂN GIANG | PHÓ GIÁM ĐỐC<br>Tiêu Văn Mạnh |

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ VN2000

| STT | X (m) | Y (m) |
|---|---|---|
| 1 | 2240842.676 | 593213.729 |
| 2 | 2240837.165 | 593216.108 |
| 3 | 2240831.655 | 593218.488 |
| 4 | 2240826.145 | 593220.867 |
| 5 | 2240819.429 | 593203.970 |
| 6 | 2240824.982 | 593201.697 |
| 7 | 2240830.535 | 593199.425 |
| 8 | 2240836.088 | 593197.152 |

2240 350 2240 350

2240 344 2240 344

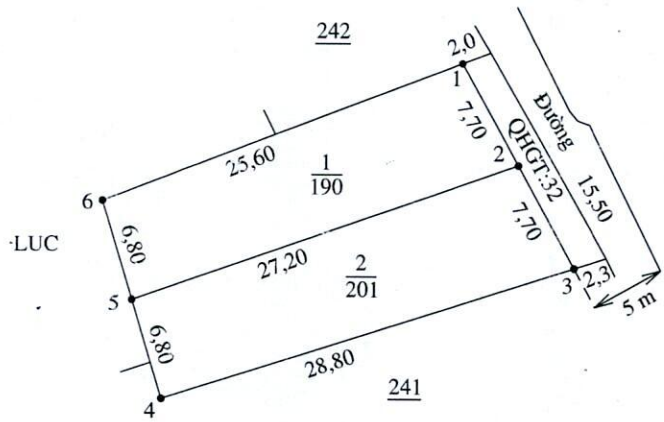
606 781 606 800 606 850 606 865

606 781 606 800 606 850 606 865

2240 469

# MẶT BẰNG QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở TẠI THÔN GIAO TÂN - XÃ GIAO BÌNH THUỘC TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 35; THỬA ĐẤT SỐ: 241

TỶ LỆ 1:500




2240 450

2240 450

400

400

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KHU ĐO

| Tổng DT(m2) | Trong đó: | | |
|---|---|---|---|
| | QH Đất ở | QH Đất GT | QH Đất TL |
| 423 | 391 | 32 | 0 |

| UBND XÃ GIAO BÌNH | PHÒNG KINH TẾ | ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC |
|---|---|---|
| Giao Bình, Ngày 29 tháng 12 năm 2026 | Giao Bình, Ngày 29 tháng 12 năm 2026 | Giao Bình, Ngày 29 tháng 12 năm 2026 |
| KT. CHỦ TỊCH<br>PHÓ CHỦ TỊCH<br>NGUYỄN ĐỨC CHỈNH | PHÓ TRƯỞNG PHÒNG<br>TRẦN XUÂN GIANG | PHÓ GIÁM ĐỐC<br>Tiêu Văn Mạnh |

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ VN2000

| STT | X (m) | Y (m) |
|---|---|---|
| 1 | 2240922.333 | 593248.410 |
| 2 | 2240915.607 | 593252.121 |
| 3 | 2240908.881 | 593255.833 |
| 4 | 2240900.190 | 593228.390 |
| 5 | 2240906.689 | 593226.427 |
| 6 | 2240913.189 | 593224.464 |

2240 350

2240 344

2240 350

2240 344

606 781 606 800 606 850 606 865